

CU NGUYÊN và TÔN NG KINH

Tâm Diệu

Đức Phật trên ý nghĩa thiệt yếu là “biến chúng giới thoát” hay là con đường giải thoát. Giải thoát khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi. Tuy cùng đi trên một con đường, nhưng vì con người có nhiều tâm tính, trình độ, khả năng và căn cơ khác nhau, nên vì tùy hoàn cảnh, tùy phong tục, tập quán, luật lệ thay đổi theo từng đời pháp và tùy thời điểm, cho nên Đức Phật đã đưa ra vô số pháp môn khác nhau, tùy theo đức tiêu biểu của từng con số 84 nghìn pháp môn, để hướng dẫn mọi người đến với đức Phật và giác ngộ, giải thoát. CU NGUYÊN và TÔN NG KINH, tuy không phải là một pháp môn, nhưng cũng là một trong 84 nghìn pháp môn.

CU NGUYÊN



Thời Đức Phật tại thế, có chàng trai trẻ đến xin Phật làm một chú siêu cho người cha vừa quá vãng. Bị tiếng chàng trai trẻ tràn ngập nỗi đau khổ chực khóc có thể hiểu được những lý do trong lúc này, nên Đức Phật đã phải dùng phương tiện biến hình như một con thỏ với những đức tính dễ tiếp, một hòn đá và một lon dầu, cả hai đức ném xuống hố, đá nặng chìm xuống và lon nhẹ nổi lên. Đức Phật trở lại, nhìn thấy hòn đá nặng đức con thỏ chìm xuống đáy hố, cho dù với số

Câu chuyện của sấm đồng, hòn đá vụn không thối lên mặt nước. Qua đó, Đức Phật khuyến khích nhũn con người tởn nghĩ p xữu thì chửu quẻ báo xữu và tởn nghĩ p tởt thì đửu c hửu ng quẻ báo tởt, cửu nguy n không thử làm thay đử đử c nghĩ p lử c, nhử t là khi nghĩ p đử chín muửi. Rử rửng, cửu nguy n đử mong giửi tửi, xỏ sử ch ác nghĩ p đử tửo, phó thác hoàn toàn vào tha lử c nhử các Bà la môn hửng tin tửng ng là mử t viử c làm vô ích [33].

Tuy nhiên, trong mử t vài trửng hửp khác, cũng trong kinh Pali, Đức Phật cho thử y sử cửu nguy n có nhử hửng đử n ngửi khác và môi trửng sửng chung quanh. Đử n hình là trửng hửp Tử kheo Angulimāla, ông vửn là mử t tay cửp giử t ngửi nửi tửng, nhử ng Angulimāla đử c Phật hoá đử, trử thành Tử kheo. Mử t hôm, Angulimāla đử khử t thử c, gửp mử t ngửi đản bà sửp lâm bửn đửng rửn siử t đử đử n bên đửng ng. Không biử t làm thử nào, Angulimāla trử vử hửi Đức Phật. Đức Phật khửyên Angulimāla đửm lửi sau đửy nói vửi ngửi đản bà: "Này cử, tử ngày đử c sanh vào Thửng tử c (nghử là tử ngày tử xuử t gia), tửi chử a hử có ý tiửu đử t đửi sửng cử a mử t sinh vử t nào. Do lửi chửn thử t này, đử c mong cử đử c vuửng tròn và con cử a cử đử c bình an vô sử." [34] Angulimāla hử c thuử c lòng bửi kinh, rửi đử đử n nửi, ngửi cách ngửi phử nử mử t bử c mửn che, đử c lửi. Ngửi mử đử đử n lửi n sanh đử c đử dửng.

Đử n nay bài kinh Angulimāla Paritta [35] này vửn cửn đử c lửu hành đử mử t sử quử c gia Phật giáo Nam Truy n. Đử u này cho thử y nửng lử c nửi tửi (**qua tâm tử và giử giử**) cử a hành giử có thử có tác đử ng đử n ngoửi giửi, đử n môi trửng chung quanh và nhử hửng ngử y lửi đử c chửy n tửi bửi ngửn ngử (lửi kinh).

Sử c mử nhử cử a tâm tử và nửng lử c trử giửi cử a Tôn gử a Angulimāla đử chửy n hoá tai hử a cử a sử n phử, khử n cho mử con đử c an lửnh.

Cũng vào thửi Phật, có mử t sử tử kheo sửng trong rửng sủu bử rửn đử c cửn bử thửng nhử u có khi gửy tửn hửi đử n sinh mử nh, nửn Phật đử đử y các tử kheo đử y hửy rửi tâm tử đử n các loài rửn đử c thì sử tránh khửi. Phật đử y bài kử. Nửi dung bài kử không phửi là nhử ng cửu thửn chú bí hiửm, mà chử là nhử ng lửi đử c nguy n, mong cho tâm tử cử a hành giử lan toử đử n chửa tử các loài rửn đử c, các sinh vử t không chửn, hai chửn và bửn chửn; đử c nguy n chửng sinh các loửi đử u đử c an lửnh, không làm hửi đử n tử kheo. Vửn đử c nguy n này đử c gửi là "hử chú" (parittam)[36].

Trong thửi cửn đửi, mử t vử bác sĩ ngửi Pháp qua Viửt Nam làm các viử c tử thửn đử nhử ng nửm đử u thửp niửn thử kử 20 cũng xác nhử n rửng nhử "tửm tử" mà ông đử thoát đử c nửn rửn đử c. Đử là trửng hửp bác sĩ Yersin: "Năm 1894 bác sĩ Yersin đử tử cao nguyửn Lang Bian đử n Darlac rửi tử Darlac đử n Attopeu, mử t bử a nử bác sĩ đửng đử trong rửng, mử t chửm chú nhửn lửn các ngửn cửy cao, thì bửng nghe sau lửng có tửng đử ng. Quay lửi thì ngử thử y mử t con rửn hử mang to lửn đử ng thửng lửn trửn đửoi, phửng mang le nử c đử c. Bác sĩ Yersin đử ng yửn, thửi đử hoàn toàn bình thửn. Rửn lử c lử chửi đử u đử p muửn nhử y đử n chửp, nhử ng lửi trử trử. Hửi lửu hử mửnh xuử ng vử t phửng vào bửi rửm rửi đử mử t. Nghe đử c cửu chửy n, có ngửi đử n

hi bác sĩ có phi nh thut thoi mien mà thoát n chng? Bác sĩ cđ i đáp: “Rn đc cng nh thú đ, cn ng i ch đ tv. Chng đu có linh tnh. Mt khi nhn bi t rng mình không có ác tâm, ác y đ i vi chng thì không bao gi chng làm hi mình”[37].

Trên đây là mt s trng hp cu an cu h có tnh cách cá nhân cho mình hoc cho ngi, nng nh vào ***nng lc t tâm và tr gii***. Trong trng hp s đng chng sinh nh các vùng b thiên tai, bo lt làm mt tích và cht nhu ngi, đn đn các bnh đch tàn phá khác. Pht gio, ngoài nhng n lc cu giúp bng các phng ng tnh vt cht còn có bin pháp cu h khác bng nng lc cu nguyn ca s đng vi tâm t bi, vi chnh tnh và chnh kin qua vic đc tng kinh Chu Bu

[38] nh t i các quc gia theo truyn thng Pht gio Nam truyn thng áp dng.

Nh th có th nói rng ngoài t lc, trong Pht gio còn có tha lc và cu nguyn, vn là mt trong 84 ngàn pháp môn tu tp trong đo Pht. S cu nguyn có th đ c gii thích nh là mt ý lc mnh m mun chuyn hóa nghip lc đi vi t thân đng thi h tr cho tha nhân chuyn hóa nghip lc ca chnh h, mà ch yu là ***s*** ***c m*** ***nh c*** ***a t*** ***âm t*** ***bi và gi*** ***g*** ***i lu*** ***t***.

TNG KINH

Tng kinh là cách hành trì rt ph bin ca c hai trng phái Pht gio Nam Truyn và Bc Truyn.

Kinh có nghĩa là nhng li Pht đy, bao gm nhng bài thuyt pháp ca Đc Pht t bu i thuyt pháp đu tiên ti Ba La Ni cho đn lúc Pht nhp Nit Bàn.

Tng kinh là đ ôn li nhng li Pht đy và đ t nhc nh mình ng dng li ca Pht đy vào cuc sng hng ngày là ***không làm các vi*** ***c ác, làm các vi*** ***c lành và t*** ***thanh l*** ***c tâm ý***. Khi tng kinh, do chú tâm vào li kinh nên c ba nghip là thân, khu và ý không có c h i to tác. Do đó xa lìa đ c các gc r c a kh đau nh tham lam, sn hn, si mê, đm li li lc cho mình và ngi.

Cổu nguyẽn và tng kinh

Viết bởi Administrator

Nhiều bài kinh quan trọng về giáo lý căn bản của Đức Phật được chép ra từ các bộ kinh. Tên những bộ kinh nguyên thủy bằng chữ Pali được chép ra là: Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), Trung Bộ Kinh (Majjima Nikaya), Trường Bộ Kinh (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ Kinh, (Anguttara Nikaya) và Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya). Các Kinh nguyên thủy bằng chữ Sanskrit gồm có các bộ A Hàm (Agamas) như Trường Bộ A Hàm, Trung Bộ A Hàm, Tăng Nhứt A Hàm, và Tạp A Hàm (tổng hợp về các bộ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Trường Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh thu thập văn học Pali). Ngoài ra còn có các kinh thuộc Phật giáo Bắc Truyền như: Kinh Di Đà, Pháp Liên Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Đệ Bát Nhã, Kinh Đệ Bát Niết Bàn, Kinh Đệ Bồ Tát Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Kinh Duy Ma Cật, Kinh A Di Đà, và còn rất nhiều nữa.

Những kinh mà người Phật tử theo trong truyền thống Phật giáo Nam Truyền được **chú** là **Kinh Châu Báu**

và

Kinh Phật Lực

. Chú siêu là

Kinh Vô Ngã Tướng

và

Kinh Huệ Huệ Tông Vong Linh

. Đệ nhất Phật giáo Bắc truyền kinh Chú an là

Kinh Phật Môn

và chú siêu là

Kinh A Di Đà

và

Kinh Đệ Nhất Tướng

.

“Chú An” có nghĩa là cứu nguy cho chính chúng ta hay cho người khác tránh khỏi các hình thái của ma quỷ, bất hạnh, đau khổ, và những khổ đau của nhân sinh thay đổi môi trường sống trong hành tinh cũng như đất trời tin tưởng nơi tâm bằng chính tâm từ bi, chánh tín, chánh kiến và năng lực giải quyết những khổ đau của chúng ta. Còn “Chú Siêu” là nguy hiểm cho những người thân quá cố hoặc quên hay không quên của chúng ta, những vì tâm từ, vì họ mà làm những việc thiện để họ hạnh phúc cho họ được nương vào phước lành đó mà vượt thoát khỏi ba đường ác.

Việc tránh ác, làm thiện và giải quyết cá nhân và xã hội, hợp với sự cảm nhận gia đình của thanh tịnh để họ cùng chúng Bồ Tát, của chúng Phật và các vị thiện thần có thể đem lại kết quả, đất được mục đích chú an như ý lực mong muốn. Sự gia hạn mà trong kinh sách thường nói đến như là một tha lực, là điểu rất khó giải thích, chỉ có thể cảm nhận được bộ kinh nghiễm nhiên thân.

Chú Thích: [33] HT. Thích Minh Châu, Kinh T ng ng B T p IV Thiên 6 x Ch.8 Đ n 6:
[http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm) [34] HT. Narada Maha
Thera, Ph m Kim Khánh d ch Vi t, 1998, Đ c Ph t và Ph t Pháp
[http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm)

[35] HT. Thích Minh Châu, Kinh Trung B , Angulimala Sutta, kinh th 86.
[http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm)

[36] Suzuki - TT. Thích Tu S , Thi n và Bát Nhã, Vi n CDPH H i Đ c, 2004.

[37] Quách T n, X Tr m h ng. H i Văn h c ng thu t Khánh Hòa tái b n 2003.

[38] HT. Thích Minh Châu, Kinh T u B T p I Kinh T p, (I) Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) (Sn 39)
<http://thuvienhoasen.org/kinhtieubo1-05-kinhtap-02.htm>
và C sĩ Nguyễn Giác, B n d ch Vi t:
<http://www.thuvienhoasen.org/cacphaphoquocandan.htm>